

CHÍNH PHỦ
Số: 49/2000/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2000

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Về tổ chức và hoạt động của ngân hàng thương mại

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12 tháng 12 năm 1997;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

- Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng về tổ chức và hoạt động của ngân hàng thương mại.
- Ngân hàng thương mại là ngân hàng được thực hiện toàn bộ hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan vì mục tiêu lợi nhuận, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế của Nhà nước.
- Ngân hàng thương mại theo Nghị định này gồm ngân hàng thương mại nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần của Nhà nước và nhân dân.

Điều 2. Việc cấp giấy phép thành lập và hoạt động; cơ cấu tổ chức của ngân hàng thương mại thực hiện theo quy định tại Mục 1, Mục 2, Chương II Luật các Tổ chức tín dụng và quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Chương II

HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Mục 1

HUY ĐỘNG VỐN

Điều 3.

Ngân hàng thương mại được huy động vốn dưới các hình thức sau:

1. Nhận tiền gửi của các tổ chức, cá nhân và các tổ chức tín dụng khác dưới các hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn và các loại tiền gửi khác.
2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và giấy tờ có giá khác để huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.
3. Vay vốn của các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại Việt Nam và của tổ chức tín dụng nước ngoài.
4. Vay vốn ngắn hạn của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
5. Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Mục 2

HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG

Điều 4. Ngân hàng thương mại được cấp tín dụng cho tổ chức, cá nhân dưới các hình thức cho vay, chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá khác, bảo lãnh, cho thuê tài chính và các hình thức khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 5.

Ngân hàng thương mại được cho các tổ chức, cá nhân vay vốn dưới các hình thức:

1. Cho vay ngắn hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đời sống.
2. Cho vay trung hạn, dài hạn để thực hiện các dự án đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đời sống.

Điều 6.

1. Ngân hàng thương mại chủ động tìm kiếm các dự án sản xuất, kinh doanh khả thi, có hiệu quả và có khả năng hoàn trả nợ để cho vay.
2. Ngân hàng thương mại nhà nước cho vay theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong trường hợp cần thiết.
3. Việc cho vay phải được lập thành hợp đồng tín dụng và theo quy định của pháp luật về bảo đảm tiền vay và giới hạn cho vay.

Điều 7.

1. Ngân hàng thương mại tổ chức việc xét duyệt cho vay theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa các khâu thẩm định và quyết định cho vay; kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng.
2. Ngân hàng thương mại được quyền yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh phương án kinh doanh khả thi, khả năng tài chính của mình và của người bảo lãnh trước khi quyết định cho vay; có quyền

chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm hợp đồng tín dụng.

3. Ngân hàng thương mại có quyền xử lý tài sản bảo đảm tiền vay của khách hàng vay, tài sản của người bảo lãnh trong việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh để thu hồi nợ theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về bảo đảm tiền vay của các tổ chức tín dụng; khởi kiện khách hàng vi phạm hợp đồng tín dụng và người bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định của pháp luật.

4. Ngân hàng thương mại được miễn, giảm lãi suất cho vay, phí ngân hàng; gia hạn nợ; mua bán nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 8.

1. Ngân hàng thương mại được bảo lãnh vay, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh dự thầu và các hình thức bảo lãnh ngân hàng khác bằng uy tín và bằng khả năng tài chính của mình đối với người nhận bảo lãnh theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2. Mức bảo lãnh đối với một khách hàng và tổng mức bảo lãnh của một ngân hàng thương mại không được vượt quá tỷ lệ so với vốn tự có của ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước quy định.

3. Ngân hàng thương mại thực hiện bảo lãnh có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 59 Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật.

Điều 9. Chỉ các ngân hàng thương mại được phép thực hiện thanh toán quốc tế mới được thực hiện bảo lãnh vay, bảo lãnh thanh toán và các hình thức bảo lãnh ngân hàng khác mà người nhận bảo lãnh là tổ chức, cá nhân nước ngoài.

Điều 10.

Ngân hàng thương mại được:

1. Chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đối với các tổ chức, cá nhân.

2. Tái chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đối với các tổ chức tín dụng khác.

Điều 11. Ngân hàng thương mại được hoạt động cho thuê tài chính nhưng phải thành lập công ty cho thuê tài chính. Việc thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính thực hiện theo Nghị định của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính.

Mục 3

DỊCH VỤ THANH TOÁN VÀ NGÂN QUỸ

Điều 12.

1. Ngân hàng thương mại phải mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước (Sở giao dịch hoặc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố) nơi ngân hàng thương mại đặt trụ sở chính và duy trì tại đó số dư

tiền gửi dự trữ bắt buộc theo quy định; được mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng khác trong nước theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2. Chi nhánh của ngân hàng thương mại được mở tài khoản tiền gửi tại chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố, nơi đặt trụ sở của chi nhánh.

3. Ngân hàng thương mại được mở tài khoản cho khách hàng trong nước và ngoài nước.

Điều 13.

Ngân hàng thương mại được:

1. Cung ứng các phương tiện thanh toán.
2. Thực hiện các dịch vụ thanh toán trong nước cho khách hàng.
3. Thực hiện dịch vụ thu hộ và chi hộ.
4. Thực hiện các dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
5. Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép.
6. Thực hiện dịch vụ thu và phát tiền mặt cho khách hàng.
7. Tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng trong nước. Việc tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế phải được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

Mục 4

CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 14.

1. Ngân hàng thương mại được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp và của các tổ chức tín dụng khác trong nước theo quy định của pháp luật. Mức góp vốn, mua cổ phần của ngân hàng thương mại trong một doanh nghiệp, tổng mức góp vốn, mua cổ phần của ngân hàng thương mại trong tất cả các doanh nghiệp không được vượt quá mức tối đa theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2. Việc góp vốn của ngân hàng thương mại với tổ chức tín dụng nước ngoài để thành lập tổ chức tín dụng liên doanh tại Việt Nam thực hiện theo quy định của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài tại Việt Nam.

3. Việc ngân hàng thương mại góp vốn, mua cổ phần, liên doanh với các chủ đầu tư nước ngoài phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản và được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Ngân hàng thương mại được tham gia thị trường tiền tệ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 16. Khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép, ngân hàng thương mại được trực tiếp kinh doanh hoặc thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có (sau đây gọi tắt là công ty trực thuộc) để kinh doanh ngoại hối và vàng trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế.

Điều 17. Ngân hàng thương mại được quyền uỷ thác, nhận uỷ thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kể cả việc quản lý tài sản, vốn đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng uỷ thác, đại lý.

Điều 18. Ngân hàng thương mại được cung ứng dịch vụ bảo hiểm; được thành lập công ty trực thuộc hoặc liên doanh để kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Ngân hàng thương mại được cung ứng các dịch vụ:

1. Tư vấn tài chính, tiền tệ cho khách hàng dưới hình thức trực tiếp tư vấn cho khách hàng hoặc thành lập công ty trực thuộc theo quy định của pháp luật.

2. Bảo quản hiện vật quý, giấy tờ có giá, cho thuê tủ két, cầm đồ và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Ngân hàng thương mại không được trực tiếp kinh doanh bất động sản.

Điều 21. Ngân hàng thương mại được trực tiếp kinh doanh hoặc thành lập công ty trực thuộc để thực hiện kinh doanh khác có liên quan đến hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Trong quá trình hoạt động, ngân hàng thương mại phải tuân thủ các quy định về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định tại Mục 5, Chương III, Luật các Tổ chức tín dụng và theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Chương III

QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT

Mục 1

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI NHÀ NƯỚC

Điều 23. Ngân hàng thương mại nhà nước là ngân hàng thương mại do Nhà nước đầu tư vốn, thành lập và tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh, góp phần thực hiện mục tiêu kinh tế của Nhà nước.

Điều 24. Quản trị ngân hàng thương mại nhà nước là Hội đồng quản trị. Các chức danh Hội đồng quản trị do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước bổ nhiệm, miễn nhiệm sau khi có thoả thuận với Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ.

Điều 25. Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 5 hoặc 7 thành viên, bao gồm thành viên chuyên trách và thành viên kiêm nhiệm; thành viên kiêm nhiệm không phải là người đang giữ các chức vụ lãnh đạo trong bộ máy Nhà nước; số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên chuyên trách, thành viên kiêm nhiệm của từng ngân hàng thương mại do Điều lệ của ngân hàng quy định.